

UNIT 9:

NATURAL DISASTERS

COMMUNICATION

I/ NEW WORDS:

1.suddenly /'sʌd.ən.li/	(adv): đột nhiên,thình lình
2.awful/'ɔː.fəl/	(adj): khủng khiếp
3. heavy rain /'hev.i//rein/	(n): cơn mưa to
4. lightening	(n): chớp , sấm sét
5.scale/skeɪl/	(n): cái đĩa cân
6.measure /'meʒ.ər/	(v,n): (sự) đo lường
7. Fahrenheit scale /'fær.ən.haɪt/	(n): thang nhiệt độ Fahrenheit
8.Celsius scale /'sel.si.əs/	(n): thang đo độ C
9.thunderstorm /'θʌn.də.stɔ:m/	(n):bão có sấm sét và mưa to
10.richter scale /'rɪk.tə skeɪl/	(n): độ rich te (đo độ mạnh của đ. đất)